

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-DS

Ngày: 06-5-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em
2. Ông Nguyễn Văn Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2020/TLST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K

Địa chỉ: Số 40-42-44, PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Anh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc S, Phó phòng khách hàng cá nhân kiêm khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng K chi nhánh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn U, sinh năm 1969

Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/5/2018 ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q có ký hợp đồng tín dụng số 052/15/HĐTD/0200-4230 với Ngân hàng K để vay số tiền 180.000.000 đồng; Thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay là sửa chữa nhà; lãi suất trong hạn 13,23%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ngay trước thời điểm chuyển nợ

quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/ năm; Phương thức thanh toán trả lãi 06 tháng/lần, nợ gốc trả 06 tháng/lần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông U và bà Q thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.958,8m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa số 1496, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; Do UBND huyện HB cấp cho ông Ngô Văn U vào ngày 22/10/2007, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 044505.

- Quyền sử dụng đất diện tích 4.876m² tại thửa 497, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; Do UBND huyện HB cấp cho ông Ngô Văn S ngày 22/4/2014 và tặng cho ông Ngô Văn U vào ngày 09/5/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 749665.

Khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, ông U và bà Q nhiều lần cam kết nhưng không thanh toán, đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông U và bà Q trả số tiền 273.713.599 đồng tính đến ngày 30/9/2020 (trong đó nợ gốc 180.000.000 đồng; lãi trong hạn 28.429.233 đồng; lãi quá hạn 25.983.764 đồng; lãi phạt do chậm trả lãi 3.300.602 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 01/10/2020 cho đến khi ông U và bà Q thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Ngày 01/3/2021 đại diện Ngân hàng K có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 140.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 31.649.671 đồng; lãi quá hạn 3.563.075 đồng và lãi do chậm thanh toán lãi là 4.787.254 đồng).

Đại diện Ngân hàng K chỉ yêu cầu ông U và bà Q trả số tiền còn lại là 118.239.770 (trong đó vốn gốc 80.000.000 đồng; lãi trong hạn 912.083 đồng; lãi quá hạn 36.781.348 đồng; lãi do chậm thanh toán lãi 546.339 đồng) tính đến ngày 06/5/2021. Trường hợp ông U và bà Q không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại thửa 1496, tờ bản đồ số 04.

Bị đơn ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q trình bày: ông, bà thống nhất với nội dung đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và số tiền mà vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho thỏa thuận thanh toán theo từng đợt. Trường hợp không thanh toán được thì đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q thanh toán cho Ngân hàng số tiền 118.239.770 (trong đó vốn gốc 80.000.000 đồng; lãi trong hạn 912.083 đồng; lãi quá hạn 36.781.348 đồng; lãi do chậm thanh toán lãi 546.339 đồng) tính đến ngày 06/5/2021, đồng thời ông U và bà Q còn có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh từ ngày 07/5/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông U và bà Q không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông U và bà Q phải nộp số tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q cư trú tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ của ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q, đủ cơ sở xác định Ngân hàng K đã cho ông U và bà Q vay số tiền 180.000.000 đồng; Thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay là sửa chữa nhà; lãi suất trong hạn 13,23%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/ năm; Phương thức thanh toán trả lãi 06 tháng/lần, nợ gốc trả 06 tháng/lần.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng, tính đến ngày 30/9/2020 ông U và bà Q không thanh toán nợ gốc và nợ lãi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đối với ông U và bà Q là có căn cứ.

Đối với khoản nợ vay cũng như lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì ông U và bà Q hoàn toàn thống nhất. Sau khi Ngân hàng K khởi kiện thì ông U và bà Q có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 140.000.000

đồng đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 31.649.671 đồng; lãi quá hạn 3.563.075 đồng và lãi do chậm thanh toán lãi là 4.787.254 đồng). Do đó, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền mà ông U và bà Q đã thanh toán. Chỉ yêu cầu ông U và bà Q thanh toán số tiền nợ vay còn lại tính đến ngày 06/5/2021 là 118.239.770 đồng (trong đó vốn gốc 80.000.000 đồng; lãi trong hạn 912.083 đồng; lãi quá hạn 36.781.348 đồng; lãi do chậm thanh toán lãi 546.339 đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc ông U và bà Q trả cho Ngân hàng K số tiền trên.

[3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 052/18/HĐTC-BĐS/0200-4230 ngày 21/5/2018. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất số AL 044505 do Ủy ban nhân dân huyện HB cấp cho ông Ngô Văn U ngày 22/10/2007, tại thửa 1496 tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất số BS 749665 do Ủy ban nhân dân huyện HB cấp cho ông Ngô Văn S ngày 22/4/2014 và tặng cho ông Ngô Văn U ngày 09/5/2014, tại thửa 497 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp ông U và bà Q không thanh toán đủ số nợ vay tại Ngân hàng thì Ngân hàng chỉ yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất số AL 044505 do Ủy ban nhân dân huyện HB cấp cho ông Ngô Văn U ngày 22/10/2007 để thu hồi nợ.

Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 và Điều 299 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn số tiền đã dự nộp và chi hết là 550.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 228, Điều 2238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 118.239.770 đồng (trong đó vốn gốc 80.000.000 đồng; lãi trong hạn 912.083 đồng; lãi quá hạn 36.781.348 đồng; lãi do chậm thanh toán lãi 546.339 đồng), tính đến ngày 06/5/2021.

Kể từ ngày 07/5/2021 ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông U và bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Ngân hàng K đối với số tiền 140.000.000 đồng mà Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Buộc ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền 550.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm là 5.911.988 đồng. Ngân hàng K không phải nộp án phí. Đại diện Ngân hàng đã dự nộp 5.942.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0010320 ngày 04/11/2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ngô Văn U và bà Đinh Thị Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AL 044505 do Ủy ban nhân dân huyện HB cấp cho ông Ngô Văn U ngày 22/10/2007 tại thửa 1496 tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp NL, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện HB;*
- *Cơ quan THA huyện HB;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm